

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2022

“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2022/TLST- HNGĐ ngày 25/5/2022 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXX - ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1985, địa chỉ: KDC T, phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Vũ Minh H**, sinh năm 1983, địa chỉ: thôn KDC S, phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và Vũ Minh H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại UBND phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng có mượn của anh trai một căn nhà ở T, phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương để làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến chị và anh H

thường xảy ra cãi vã, xô xát. Đến tháng 5/2022, mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, anh H chuyển về nhà của bố mẹ đẻ của anh H tại KDC S, phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương sinh sống, vợ chồng mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không chỉ anh H thường đến chỗ chị ở chửi bới, xúc phạm chị mà còn có hành vi uy hiếp người thân của chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về nuôi dưỡng con chung: Chị và anh H không có con chung với nhau. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung: Không có. Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giao Thông báo thụ lý, triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh H đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, giữa chị C, anh H, cụ thể như sau:

Lời khai của ông Vũ Minh L(bố đẻ anh H) khai:

Chị C, anh H kết hôn với nhau vào năm 2018, sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị C không ở gia đình ông mà sống tại nhà của chị C ở T, phường T1, thị xã K. Quá trình anh H, chị C chung sống có xảy ra mâu thuẫn nên anh H về gia đình ông sinh sống. Do vợ chồng anh H, chị C không ở cùng gia đình ông nên nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị C, anh H thế nào thì ông không được biết. Chị C và anh H không có con chung với nhau.

Lời khai của chị Nguyễn Thị Nhung(chị dâu của chị C) khai:

Gia đình chị ở sát cạnh nhà chị C, anh H. Trong thời gian anh H, chị C chung sống cùng nhau đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng anh H, chị C thường xảy ra cãi vã dẫn đến anh H chuyển về nhà bố đẻ của anh H ở, dẫn đến anh H, chị C không chung sống với nhau. Từ khi anh H, chị C không sống cùng nhau, anh H thường quay lại chửi bới chị C và người thân trong gia đình chị C. Bản thân chị là chị dâu của chị C, anh H cũng kiếm có gây sự, có hành vi chặn đường và đâm xe vào chị, sự việc đã được chị trình báo công an phường T1, vụ việc đang được Công an phường T1 giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H.

Bị đơn anh H đã được triệu tập lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã được triệu tập đến Tòa, nguyên đơn có mặt đã là đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa chị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn, quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc, không mong muốn được đoàn tụ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh H là phù hợp với thực tế về mâu thuẫn vợ chồng. Về con chung, tài sản chung chị C xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn là anh Vũ Minh H cư trú, sinh sống tại phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy, HĐXX xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[2] *Về quan H hôn nhân:* Chị C, anh H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/11/2018 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của đương sự, người làm chứng đã được thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, thì thấy về thời gian mâu thuẫn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với nhau, phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị C, anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do các bên không còn sự tin tưởng, sự quý trọng, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C, anh H kéo dài từ nhiều tháng nay, cả hai đều không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, để hòa giải đoàn tụ được với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh H, thông báo hòa giải tuy nhiên anh H đều vắng mặt không có lý do điều đó thể hiện ý thức bỏ mặc

không mong muốn đoàn tụ của anh H. Tại phiên tòa, chị C xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H là không còn, chị vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh H. Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị C, xử cho chị C được ly hôn anh H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị C, anh H không có con chung với nhau. Chị C không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án

[5] *Về tài sản, vay nợ chung*: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[6] *Về án phí*: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ**: Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Căn cứ**: điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Vũ Minh H.

- *Về nuôi dưỡng con chung*: Không có. Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Không yêu cầu không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án

2. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2020/0001319 ngày 17/5/2022. Chị C đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường T1, thị xã Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh